TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN AN DƯƠNG** **THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Bản án số: 75/2021/HNGĐ-ST Ngày 31-8-2021 V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn	

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN AN DƯƠNG, THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Bà Nguyễn Thị Liên

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Vũ Văn Thi

2. Ông Đỗ Văn Thư

- ***Thư ký phiên toà***: Bà Nguyễn Thị Hằng, Thư ký Toà án nhân dân huyện An Dương, thành phố Hải Phòng.

- ***Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện An Dương, thành phố Hải Phòng tham gia phiên toà***: Bà Đặng Thị Thơ - Kiểm sát viên.

Ngày 31 tháng 8 năm 2021, tại trụ sở, Toà án nhân dân huyện An Dương, thành phố Hải Phòng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 152/2021/TLST-HNGĐ ngày 27 tháng 5 năm 2021 về ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 54/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 07 tháng 7 năm 2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số 48/2021/QĐST-HNGĐ ngày 02 tháng 8 năm 2021 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Chị Lê Ánh T sinh năm 1999; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Xóm T, xã N, huyện T, tỉnh Nam Định; nơi cư trú: Thôn B, xã A, huyện A, thành phố Hải Phòng; có mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn: Ông Lê Văn Hùng – Luật sư Công ty Luật TNHH MTV Trần Bros – Đoàn Luật sư Thành phố Hà Nội; địa chỉ: Tầng 3 số 27 Trung Kính, phường Trung Hòa, quận Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội; vắng mặt.

- *Bị đơn*: Anh Triệu An K sinh năm 1995; nơi cư trú: Tiểu đoàn P xóm Đ, xã A, huyện A, thành phố Hải Phòng; địa chỉ nhận văn bản tố tụng: Xóm T, xã N, huyện T, tỉnh Nam Định; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong Đơn khởi kiện ngày 29 tháng 4 năm 2021, quá trình tố tụng và tại phiên tòa nguyên đơn chị Lê Ánh T trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị kết hôn với anh Triệu An K trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn vào ngày 11 tháng 5 năm 2020 tại Ủy ban nhân dân xã N, huyện T, tỉnh Nam Định và đến tháng 9 năm 2020 thì mới tổ chức lễ cưới tại gia đình. Sau khi cưới chị và anh K cư trú tại khu tập thể của đơn vị anh K ở xã An Hồng, huyện An Dương, thành phố Hải Phòng. Vợ chồng chung sống vui vẻ được khoảng một đến hai tháng thì xảy ra mâu thuẫn, hay xảy ra cãi nhau. Nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng là do tính tình không hợp, bất đồng về quan điểm sống, anh K có tính gia trưởng, hai bên bất đồng về chọn chỗ ở và nơi làm việc của chị nên vợ chồng thường xuyên xảy ra cãi nhau. Đến tháng 3/2021 chị cho con về nhà bố mẹ đẻ chơi, anh K có đến thăm con, vợ chồng lại bất đồng, cãi nhau trong việc chọn chỗ ở và nơi làm việc của chị. Khi thấy chị và anh K cãi nhau bố đẻ chị có khuyên anh K thay đổi tính cách thì giữa anh K và bố đẻ chị xảy ra xích mích, bố đẻ chị có túm cổ áo anh K và cả hai đẩy nhau ra đường cãi nhau, anh K có lời lẽ thiếu tôn trọng bố chị, từ đó mâu thuẫn vợ chồng càng căng thẳng. Sau sự việc trên đơn vị anh K cũng đã đến gặp chị và gia đình để động viên chị khắc phục mâu thuẫn để vợ chồng đoàn tụ nhưng chị không đồng ý. Trong suốt thời gian chị và con về nhà bố mẹ đẻ ở anh K cũng chỉ đến thăm con hai đến ba lần, chị và anh K không nói chuyện được với nhau nếu có chỉ trao đổi qua tin nhắn điện thoại về tình hình sức khỏe của con, chị cũng không liên lạc hỏi thăm anh K và gia đình anh K. Từ cuối tháng 3/2021 đến nay vợ chồng sống ly thân không ai còn quan tâm và có trách nhiệm với nhau nữa. Anh K khẳng định luôn quan tâm đến vợ con và mong muốn vợ chồng đoàn tụ nhưng từ khi xảy ra xích mích với bố đẻ chị cho đến nay, mặc dù đơn vị anh K ở gần nhà bố mẹ đẻ chị nhưng anh K không có hành động hỏi thăm hay quan tâm đến chị, những lần đến thăm con anh K chỉ bế con chứ không đề cập đến việc hàn gắn tình cảm vợ chồng, anh K cũng không chu cấp tiền hay vật chất khác để chị nuôi con; hiện tại anh K vẫn làm việc tại Tiểu đoàn PH20 chưa có quyết định chuyển công tác đi đâu nhưng anh K luôn lấy lý do chuyển công tác để bảo chị xin nghỉ việc chuyển về quê anh K ở và lấy lý do công tác không đến tham gia phiên tòa nên việc anh K nói còn tình cảm với chị và mong muốn đoàn tụ là không đúng. Khi còn chung sống với nhau anh K rất ít khi về chơi tại nhà bố mẹ chị, anh K luôn lấy lý do công việc để từ chối về gia đình chị và anh K có mối quan hệ nam nữ không đúng mực nên vợ chồng không tìm được tiếng nói chung trong cuộc sống hàng ngày. Nay chị xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng không thể khắc phục được, chị không đồng ý đoàn tụ với anh K và chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Triệu An K.

Về con chung: Chị và anh K có một con chung là Triệu Hải Đ sinh ngày 28 tháng 01 năm 2021. Từ khi ly thân con chung do chị nuôi dưỡng, ly hôn chị đề nghị Tòa án giao con chung cho chị nuôi dưỡng và chị không yêu cầu anh K phải cấp dưỡng nuôi con cho chị. Hiện tại chị làm công nhân thu nhập khoảng từ 5 đến

6 triệu/tháng và hai mẹ con chị đang ở cùng với bố mẹ đẻ tại thôn B, xã A, huyện A. Chị không đồng ý để anh K nuôi con vì con còn nhỏ, anh K làm bộ đội thường xuyên phải trực đêm tại đơn vị, không có điều kiện thời gian để chăm sóc con.

Về tài sản chung: Chị và anh K không có tài sản chung nên chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đơn khởi kiện chị viết ngày 29 tháng 4 năm 2021 và bản tường trình chị viết ngày 28 tháng 4 năm 2021 là do chị viết và tự quyết định nộp đơn tại Tòa án chứ không có sự chỉ đạo của ai và không có uẩn khúc nào.

Tại biên bản lấy lời khai của đương sự và quá trình tố tụng bị đơn anh Triệu An K trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Thời gian, điều kiện kết hôn của vợ chồng như lời khai chị Lê Ánh T đã trình bày ở trên. Sau khi chị T sinh con, vợ chồng cho con về nhà mẹ đẻ anh tại Nam Định chơi, trong thời gian này anh bật công việc có lúc phải vắng nhà, mẹ anh ở nhà cũng bận việc không phải lúc nào cũng ở nhà chăm sóc cháu và con dâu nên chị T cho rằng mẹ anh không quan tâm đến chị T và con dẫn đến mâu thuẫn giữa mẹ chồng làng dâu. Do hoàn cảnh gia đình, hiện chỉ còn một mình mẹ ở quê nên anh có thông báo với chị T cùng gia đình sẽ chuyển công tác về Nam Định và bảo chị T xin nghỉ việc tại công ty để về cùng anh, hai vợ chồng có bàn bạc chị T và con sẽ ở nhà ông bà ngoại đến khi con chung được một tuổi thì sẽ chuyển về quê anh ở. Sau khi vợ chồng từ Nam Định ra nhà công vụ ở được một ngày thì bố mẹ chị T đã đến đón mẹ con chị T về nhà ở và từ khi chị T về nhà bố mẹ đẻ ở thì chị T thay đổi ý định không muốn về quê cùng anh, bố mẹ chị T cũng không đồng ý cho chị T về nhà anh ở. Cuối tháng 3/2021 anh có đến nhà bố mẹ đẻ chị T thăm con và nói chuyện về việc vợ chồng chuyển về quê anh ở thì chị T không đồng ý. Trong lúc nói chuyện thì bố chị T đã chửi anh và xúc phạm mẹ anh, anh vào bế con thì bố chị T túm cổ áo anh đuổi ra ngoài và sau đó không cho anh đến nhà. Trong cuộc sống hàng ngày thì vợ chồng không tránh được xô xát, anh làm bộ đội công việc rất bận phải trực ở đơn vị nhưng chị T không thông cảm cho tính chất công việc của anh, anh có giải thích thì chị T không hiểu dẫn đến trách móc anh nên vợ chồng cãi nhau. Thời gian vợ chồng ly thân anh có đến nhà bố mẹ chị T tìm gặp chị T, thăm con nhưng chị T không gặp, anh và chị T không nói chuyện với nhau, anh cũng chưa có biện pháp khắc phục mâu thuẫn vợ chồng, bản thân chị T cũng không tôn trọng mẹ anh.

Nay anh còn tình cảm với chị T, anh không vi phạm nghĩa vụ của vợ chồng và vì con còn nhỏ nên anh không đồng ly hôn với chị T, anh đề nghị Tòa án tạo điều kiện cho anh và chị T thỏa thuận hòa giải với nhau để gia đình không tan vỡ, vợ chồng đoàn tụ và cùng nuôi dậy con chung.

Trong các văn bản Về việc không tham gia phiên tòa sơ thẩm ngày 12 tháng 7 năm 2021 và ngày 25 tháng 8 năm 2021, anh K có ý kiến: Nhiều nội dung anh trình bày không được Tòa án đưa vào biên bản hòa giải ngày 07 tháng 7 năm 2021, ngày 27 tháng 5 năm 2021 đến ngày 11 tháng 6 năm 2021 anh được Tòa án triệu tập đến để lấy lời khai nhưng anh không thấy lời khai của anh trong hồ sơ, anh đề

nghị Tòa án làm rõ nội dung trình bày của chị T về nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng, về việc bố đẻ chị T khai do anh có quan hệ nam nữ không đúng mực, làm rõ lý do tại sao bản tường trình ngày 28 tháng 4 năm 2021 của chị T lại có trước đơn khởi kiện ngày 29 tháng 4 năm 2021?

Về con chung: Anh và chị T có một con chung như lời trình bày của chị T. Nếu giải quyết ly hôn anh đề nghị được nuôi con Triệu Hải Đ và không yêu cầu chị T phải cấp dưỡng nuôi con cho anh. Hiện tại anh có công việc và thu nhập cao hơn chị T nên điều kiện nuôi con của anh hơn chị T.

Về tài sản chung: Anh và chị T không có tài sản chung nên anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản luận cứ bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn chị Lê Ánh T do ông Lê Văn Hùng trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Anh Triệu An K và chị Lê Ánh T là vợ chồng hợp pháp theo Giấy chứng nhận kết hôn số 28/2020 do Ủy ban nhân dân xã N cấp ngày 11 tháng 5 năm 2020. Tuy nhiên thời gian hạnh phúc chỉ diễn ra trong thời gian ngắn thì xảy ra mâu thuẫn. Mục đích của hôn nhân giữa anh K và chị T không đạt được vì tình nghĩa vợ chồng không còn, quan hệ vợ chồng không bình đẳng. Nguyên nhân là do anh K ích kỷ, gia trưởng thiếu quan tâm chia sẻ với chị T trong cuộc sống gia đình, đồng thời anh K cũng thiếu tôn trọng với bố mẹ đẻ chị T. Bản thân chị T sau khi kết hôn với anh K bụng mang dạ chửa, sinh đẻ khó nhọc rất cần sự chăm sóc của anh K để vơi đi nỗi đau, nỗi vất vả của người phụ nữ mới sinh nhưng nhận lại từ anh K là những lời nói, hành động khiến chị T buồn tủi, lo lắng. Căn cứ khoản 1 điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình đề nghị Tòa án chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Lê Ánh T.

Về con chung: Chị T và anh K có một con chung là Triệu Hải Đ sinh ngày 28 tháng 01 năm 2021. Hiện tại con chung chưa đủ 36 tháng tuổi, chị T có nguyện vọng được nuôi con và không yêu cầu anh Triệu An K cấp dưỡng. Do đó, căn cứ vào khoản 3 Điều 81 của Luật Hôn nhân và gia đình, đề nghị Tòa án giao con Triệu Hải Đ cho chị Lê Ánh T nuôi dưỡng.

Tại phiên tòa, đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện An Dương phát biểu ý kiến:

- Về tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên toà, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã chấp hành đúng trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự; Nguyên đơn, bị đơn, người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn đã chấp hành đúng quy định tại các điều 70, 71, 72, 76 của Bộ luật Tố tụng dân sự;.

- Về nội dung: Căn cứ quy định tại khoản 1 Điều 28, khoản 4 Điều 147, Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 39 của Bộ luật Dân sự; các điều 51, 56, 58, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và

lệ phí Tòa án, đề nghị Hội đồng xét xử: Xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Lê Ánh T về việc ly hôn và nuôi con; về án phí: chị Lê Ánh T phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

- Về tố tụng:

[1] Về việc xét xử vắng mặt đương sự, người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn: Bị đơn anh Triệu An K và người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn ông Lê Văn Hùng đã được triệu tập hợp lệ nhưng có văn bản đề nghị vắng mặt tại phiên tòa nên căn cứ hhoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án vắng mặt anh Triệu An K và ông Lê Văn Hùng.

- Về nội dung:

[2] Về quan hệ hôn nhân: Căn cứ lời khai của các đương sự, tài liệu, chứng cứ do nguyên đơn cung cấp và tài liệu, chứng cứ do Tòa án thu thập, đủ cơ sở xác định: Chị Lê Ánh T và anh Triệu An K kết hôn trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn ngày 11 tháng 5 năm 2020 tại Uỷ ban nhân dân xã N, huyện T, tỉnh Nam Định, theo quy định tại các điều 8, 9 của Luật Hôn nhân và Gia đình đây là hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống, chị T và anh K chung sống vui vẻ hạnh phúc một thời gian ngắn thì xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân xuất phát từ việc bất đồng trong việc lựa chọn chỗ ở và nơi làm việc của vợ chồng, không tin tưởng nhau, không thông cảm nghề nghiệp, hoàn cảnh gia đình của nhau, hai bên đều thiếu tôn trọng nhau và thiếu sự tôn trọng đối với gia đình của nhau. Do mâu thuẫn vợ chồng nên chị T và anh K đã sống ly thân từ tháng 3/2021 đến nay không ai quan tâm và có trách nhiệm với ai nữa. Anh K xác định vẫn còn tình cảm với chị T nhưng từ khi vợ chồng ly thân anh K không có biện pháp nào để khắc phục mâu thuẫn, khi tham gia hòa giải tại Tòa án giữa anh K và chị T cũng xảy ra cãi nhau, trách móc không tôn trọng gia đình nhau. Bản thân anh K mong muốn vợ chồng có thời gian để khắc phục mâu thuẫn nhưng từ khi Tòa án thụ lý vụ án cho đến nay anh K không có biện pháp tích cực nào để khắc phục mâu thuẫn vợ chồng và từ thời điểm tham gia phiên hòa giải ngày 07/7/2021 cho đến nay anh K không đến tìm gặp chị T để tìm biện pháp khắc phục mâu thuẫn mặc dù nơi ở và nơi làm việc của anh K gần nơi ở của mẹ con chị T; chị T cũng thừa nhận trong thời gian qua không liên lạc, không hỏi thăm anh K cũng như gia đình anh K. Điều đó chứng tỏ chị T và anh K đều không ai còn quan tâm đến tình cảm vợ chồng, không tìm cách để vun đắp tình cảm và khắc phục mâu thuẫn vợ chồng. Tại phiên tòa, chị T xác định không còn tình cảm với anh K và không đồng ý đoàn tụ nên Tòa án không hòa giải được. Tại phiên tòa chị T và bố đẻ là ông Lê Văn Hạnh có mặt không đưa ra được tài liệu, chứng cứ chứng minh anh K có quan hệ nam nữ không đúng mực, như vậy chị T và gia đình không có sự tin tưởng đối với anh K trong các mối quan hệ xã hội. Từ lời khai của chị T, anh K cho thấy giữa chị T và anh K không còn thương yêu, tôn trọng, chăm sóc, không còn cùng nhau chia sẽ, thực hiện các công

việc trong gia đình, chính điều này đã làm cho tình trạng hôn nhân giữa chị T và anh K lâm vào trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, yêu cầu ly hôn của chị T là có căn cứ chấp nhận theo quy định tại khoản 1 Điều 51 và khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình.

[3] Về ý kiến của anh Triệu An K đề nghị Tòa án làm rõ một số nội dung anh nêu trong các văn bản về việc không tham gia phiên tòa sơ thẩm: Ngày 27 tháng 5 năm 2021 Tòa án thụ lý vụ án theo đơn khởi kiện của chị Lê Ánh T, cùng ngày Tòa án có Giấy báo số 152/GB-TA nội dung báo anh K đến Tòa án lúc 14 giờ 00 phút ngày 11 tháng 6 năm 2021 để giải quyết việc chị Lê Ánh T khởi kiện ly hôn đối với anh và ngày 28 tháng 5 năm 2021 Giấy báo số 152/GB-TA cùng Thông báo về việc thụ lý vụ án số 152/TBTL-VA ngày 27 tháng 5 năm 2021 được giao cho anh K. Ngày 27 tháng 5 năm 2021 Tòa án thụ lý vụ án nên không có việc ngày 27 tháng 5 năm 2021 Tòa án triệu tập anh K đến làm việc. Ngày 04 tháng 6 năm 2021 anh K đến Tòa án nộp Văn bản trả lời yêu cầu của nguyên đơn ngày 01 tháng 6 năm 2021 và do văn bản này của anh K có nhiều nội dung chưa rõ nên Thẩm phán đã lấy lời khai của anh K tại Biên bản lấy lời khai của đương sự ngày 04 tháng 6 năm 2021. Do anh K đã nộp văn bản và có biên bản lấy lời khai thể hiện quan điểm của mình đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn nên ngày 11 tháng 6 năm 2021 anh K không đến Tòa án theo nội dung Giấy báo số 152/GB-TA, vì vậy trong hồ sơ vụ án không có biên bản lấy lời khai của anh K ngày 11 tháng 6 năm 20121 mà chỉ có Văn bản trả lời yêu cầu của nguyên đơn ngày 01 tháng 6 năm 2021 và Biên bản lấy lời khai của anh K ngày 04 tháng 6 năm 2021. Văn bản trả lời yêu cầu của nguyên đơn ngày 01 tháng 6 năm 2021 và Biên bản lấy lời khai của anh K ngày 04 tháng 6 năm 2021 vẫn có trong hồ sơ vụ án và các văn bản này đã được công khai tại phiên họp về việc kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ vào lúc 14 giờ 05 phút ngày 07 tháng 7 năm 2021. Tại phiên họp này anh K chỉ yêu cầu Tòa án cung cấp những tài liệu, chứng cứ do nguyên đơn cung cấp bổ sung và do Tòa án thu thập, anh K cũng không có ý kiến gì về những tài liệu, chứng cứ được công khai tại phiên họp. Những tài liệu, chứng cứ anh K yêu cầu được cung cấp và các biên bản phiên họp ngày 07 tháng 7 năm 2021 đã được Tòa án giao cho anh K bản phô tô tại biên bản giao nhận tài liệu, chứng cứ ngày 07 tháng 7 năm 2021. Tại phiên hòa giải ngày 07 tháng 7 năm 2021 anh K và chị T chỉ trình bày bổ sung những nội dung chưa được thể hiện trong các bản tự khai, biên bản lấy lời khai và biên bản chỉ thể hiện tóm tắt những nội dung các bên đương sự trình bày, anh K, chị T đã được đọc lại biên bản hòa giải trước khi ký và cả hai đều không có ý kiến bổ sung nào khác vào biên bản hòa giải. Do vậy, quan điểm của anh K về việc trong hồ sơ vụ án không có lời khai của anh K ngày 27 tháng 5 năm 2021, ngày 11 tháng 6 năm 2021 và nhiều nội dung anh trình bày không được Tòa án đưa vào biên bản hòa giải ngày 07 tháng 7 năm 2021 là không có căn cứ. Việc chị T viết đơn khởi kiện, bản tường trình vào thời gian nào là do chị T lựa chọn quyết định. Ngày 29 tháng 4 năm 2021 chị T nộp đơn khởi kiện và các tài liệu, chứng cứ tại Tòa án, nội dung và hình thức đơn khởi kiện của chị T phù hợp với quy định tại Điều 189 của Bộ luật Tố tụng dân sự nên việc anh K có

rằng chị T viết bản tường trình trước đơn khởi kiện theo sự chỉ đạo của Tòa án là không có căn cứ.

[4] Về con chung: Chị Lê Ánh T và anh Triệu An K có một con chung là Triệu Hải Đ sinh ngày 28 tháng 01 năm 2021. Chị T và anh K đều tranh chấp về người trực tiếp nuôi con sau ly hôn. Xét, việc chăm sóc, nuôi dưỡng con chưa thành niên là quyền và trách nhiệm của cha mẹ sau ly hôn. Hiện con chung Triệu Hải Đ dưới 36 tháng tuổi, chị T có công việc và thu nhập lại được bố mẹ tạo điều kiện về chỗ ở và chăm sóc con nên chị T đủ điều kiện để nuôi con. Do vậy, căn cứ khoản 3 Điều 81 của Luật Hôn nhân và gia đình chấp nhận yêu cầu của chị T về việc nuôi con, giao con Triệu Hải Đ cho chị T nuôi dưỡng sau ly hôn.

[5] Về việc cấp dưỡng nuôi con: Chị Lê Ánh T không yêu cầu anh K cấp dưỡng nuôi con, xét quan điểm của chị T là tự nguyện và phù hợp với quy định của pháp luật nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[6] Về tài sản chung: Chị Lê Ánh T và anh Triệu An K không có tài sản chung và không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[7] Về án phí: Chị Lê Ánh T phải nộp án phí ly hôn theo quy định của pháp luật.

[8] Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn pháp luật quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28; khoản 4 Điều 147; khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 39 của Bộ luật Dân sự; khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, các Điều 58, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 6 và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Lê Ánh T được ly hôn anh Triệu An K.

2. Về con chung: Giao con chung Triệu Hải Đ sinh ngày 28 tháng 01 năm 2021 cho chị Lê Ánh T trực tiếp nuôi dưỡng sau ly hôn đến khi con chung đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật. Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Về việc cấp dưỡng nuôi con: Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

3. Về tài sản: Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

4. Về án phí: Chị Lê Ánh T phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm để nộp ngân sách Nhà nước, chị T đã nộp 300.000 đồng tạm ứng án phí tại Biên lai

thu tiền số 0013187 ngày 27 tháng 5 năm 2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện An Dương, thành phố Hải Phòng.

5. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn có mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày, kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

6. Về quyền yêu cầu thi hành án: Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- VKSND huyện An Dương;
- Chi cục Thi hành án dân sự huyện An Dương, T.P Hải Phòng;
- UBND xã N, huyện T, tỉnh Nam Định;
- Tòa án nhân dân T.P Hải Phòng;
- Lưu: Hồ sơ vụ án, VT.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Nguyễn Thị Liên